

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09/3/2020

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Nguyễn Thị Dậu

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Phong.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX - ST ngày 12 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N** - Sinh năm 1991. (*Có mặt*)

HKTT: Xóm B xã T, huyện C, tỉnh H.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn S** - Sinh năm 1990 (*Vắng mặt không lý do*)

HKTT: Xóm B, xã T, huyện C, tỉnh H.

Công tác tại: Công ty TNHH B, khu sản xuất T, xã D, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn S có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh S về sống tại xóm B, xã T, huyện C, tỉnh H. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh S không quan tâm, chăm sóc đến vợ con, hay đi uống rượu về chửi và đánh chị. Đến

năm 2019 hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị và anh S không còn tình cảm vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung là Bùi Kim P sinh ngày 15/11/2013. Hiện tại cháu đang ở với chị, sức khỏe tốt. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị sau muốn được trực tiếp nuôi con, lý do vì cháu sống với chị và ông bà ngoại từ nhỏ, do chị và bố mẹ chị chăm sóc. Hiện tại chị đang làm kinh doanh các mặt hàng về chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh bằng phương pháp tác động cột sống cho người dân, thu nhập hàng tháng trung bình khoảng 9.000.000đ (*chín triệu đồng*) nên đảm bảo khả năng kinh tế để nuôi con, vì vậy chị chưa yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị N, Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án đối với anh S nhưng hết hạn thông báo mà anh S vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tòa án cũng đã hai lần triệu tập anh S đến Tòa để dự phiên hòa giải (lần thứ nhất vào ngày 20/12/2019 và lần thứ hai vào ngày 06/01/2020) nhưng cả hai lần triệu tập, anh S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập và thông báo về phiên họp hợp lệ. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được và trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của anh S đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị N xin ly hôn anh Bùi Văn S. Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Kim P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị N chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác nhận không có nên không đề cập giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Bùi Thị N khởi kiện anh Bùi Văn S là vụ án dân sự tranh chấp “Ly hôn” căn cứ vào sổ hộ khẩu anh S có hộ khẩu thường trú tại Xóm B, xã T, huyện C, tỉnh H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 27/02/2020, nguyên đơn chị N có mặt, bị đơn anh S vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần thứ nhất) nên Hội đồng xét xử không xét xử được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh S vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần thứ 2). Vì vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 01/2012 ngày 31/01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn S là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa chị N và anh S đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, anh S không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay chị N xin được ly hôn với anh S. Để có cơ sở xem xét yêu cầu của chị N, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị N và anh S sinh sống. Kết quả xác minh cho thấy: Chị N và anh S kết hôn năm 2011 thì đến năm 2012 cả hai anh chị vào Bình Dương để làm ăn, do ở xa nên bà cũng chỉ nghe N gọi điện thoại về nói S hay nhậu nhẹt không quan tâm chăm sóc gia đình, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được. chị N và anh S đã không còn chung sống với nhau đầu năm từ 2019 đến nay đúng như chị N đã trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến Tòa trong đó có hai lần triệu tập để tham dự phiên hòa giải đoàn tụ nhưng tất cả những lần triệu tập, anh S đều không đến Tòa. Tòa án cũng đã thông báo, niêm yết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với anh S nhưng cho đến nay, anh S cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị N và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong.

Về con chung: Căn cứ vào sự xác nhận của chị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì chị N và anh S có một con chung tên là Bùi Kim P sinh ngày 15/11/2013. Chị N có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con. Hiện tại chị đang làm kinh doanh các mặt hàng về chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh bằng phương pháp tác động cột sống nên có thu nhập và có khả năng kinh tế để nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cho chị Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Kim P cho đến khi cháu P trưởng thành, chị N chưa yêu cầu anh S phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào các Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Chị N xác nhận không có công nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh S vắng mặt không có lời khai về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: *“Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*, nên chị N phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 2; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Kim P sinh ngày 15/11/2013 đến khi cháu P đủ 18 tuổi, chị N chưa yêu cầu anh S phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000952 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- UBND xã Thu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

